

ĐỀ XUẤT MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2022-2023

- Căn cứ Nghị định số: 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021;
- Căn cứ số Tín chỉ các khóa đào tạo của Phòng Tuyển sinh - Đào tạo;
- Trong khi chờ các cơ quan chức năng có hướng dẫn mới, phòng Kế hoạch - Tài chính kính đề xuất Ban Giám hiệu về mức thu học phí năm học 2022-2023 như sau:

I. MỨC HỌC PHÍ HỆ TRUNG CẤP:

1. HỆ TRUNG CẤP CHÍNH QUY 1N3 (HỆ T2):

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Học phí 1 tháng	Học phí NH 2022-2023 (10 Tháng)	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng số tín chỉ	Số tiền/ tín chỉ	Đề xuất thu NH 2022-2023	Ghi chú
A	B	(1)	(2)=(1)*10	(3)	(4)	(5)=(2)*(3)/(4)	(6)	(7)
1	Kinh tế, Ngoại ngữ	1.248.000	12.480.000	1,5	55	340.364	340.000 đ/tín chỉ	Tùy theo số tín chỉ SV đăng ký học, mức thu trên một học kỳ có thể thay đổi (Tuy nhiên không thấp hơn số tín chỉ theo quy định của phòng TS-ĐT)
2	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870.000	18.700.000	1,5	55	510.000	510.000 đ/tín chỉ	
3	Du lịch, nhà hàng, khách sạn	1.560.000	15.600.000	1,5	55	425.455	425.000 đ/tín chỉ	

2. HỆ TRUNG CẤP CHÍNH QUY 3 NĂM (HỆ T4):

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Loại hình	Học phí 1 tháng	Học phí NH 2022-2023 (10 Tháng)	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng số tín chỉ	Số tiền/ tín chỉ	Đề xuất thu NH 2022-2023	Ghi chú
A	B	C	(1)	(2)=(1)*10	(3)	(4)	(5)=(2)*(3)/(4)	(6)	(7)
1	Kinh tế, Ngoại ngữ	VH	420.000	4.200.000	Vừa học VH, vừa học nghề là 3 năm	74	170.270	170.000 đ/tc (VH)	- Đầu năm học SV đóng học phí học Văn hóa (VH) + học Nghề (HN); - Kết thúc năm học, nhà trường sẽ hoàn lại học phí học Nghề (Không hoàn học phí học VH); - Tùy theo số tín chỉ SV đăng ký học, mức thu trên một học kỳ có thể thay đổi (Tuy nhiên không thấp hơn số tín chỉ theo quy định của phòng TS-ĐT)
		Nghề	1.248.000	12.480.000		65	384.000	384.000 đ/tc (HN)	
2	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	VH	420.000	4.200.000	Vừa học VH, vừa học nghề là 3 năm	74	170.270	170.000 đ/tc (VH)	
		Nghề	1.870.000	18.700.000		65	575.385	575.000 đ/tc (HN)	
3	Du lịch, nhà hàng, khách sạn	VH	420.000	4.200.000	Vừa học VH, vừa học nghề là 3 năm	74	170.270	170.000 đ/tc (VH)	
		Nghề	1.560.000	15.600.000		65	480.000	480.000 đ/tc (HN)	

* **Ghi chú:** - Tổng thời gian học của SV Hệ T4 (Vừa học Văn hóa, vừa học Nghề) là 3 năm.

- Nhà trường chỉ hoàn trả lại học phí học nghề cho SV Hệ T4 (Theo số tín chỉ thực tế học nghề), sau khi SV đã hoàn tất xong năm học.

II. MỨC HỌC PHÍ HỆ CAO ĐẲNG:

1. HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY 2,5 NĂM (HỆ C1)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Học phí 1 tháng	Học phí NH 2022-2023 (10 Tháng)	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng số tín chỉ	Số tiền/ tín chỉ	Đề xuất thu NH 2022-2023	Ghi chú
A	B	(1)	(2)=(1)*10	(3)	(4)	(5)=(2)*(3)/(4)	(6)	(7)
1	Kinh tế, Ngoại ngữ	1.248.000	12.480.000	2,5	90	346.667	350.000 đ/tín chỉ	Tùy theo số tín chỉ SV đăng ký học, mức thu trên một học kỳ có thể thay đổi (Tuy nhiên không thấp hơn số tín chỉ theo quy định của phòng TS-ĐT)
2	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870.000	18.700.000	2,5	90	519.444	520.000 đ/tín chỉ	
3	Du lịch, nhà hàng, khách sạn	1.560.000	15.600.000	2,5	90	433.333	433.000 đ/tín chỉ	

2. CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2):

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Học phí 1 tháng	Học phí NH 2022-2023 (10 Tháng)	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng số tín chỉ	Số tiền/ tín chỉ	Đề xuất thu NH 2022-2023	Ghi chú
A	B	(1)	(2)=(1)*10	(3)	(4)	(5)=(2)*(3)/(4)	(6)	(7)
1	Kinh tế, Ngoại ngữ	1.248.000	12.480.000	1,5	45	416.000	416.000 đ/tín chỉ	Tùy theo số tín chỉ HS-SV đăng ký học, mức thu trên một học kỳ có thể thay đổi (Tuy nhiên không thấp hơn số tín chỉ theo quy định của phòng TS-ĐT)
2	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870.000	18.700.000	1,5	45	623.333	623.000 đ/tín chỉ	
3	Du lịch, nhà hàng, khách sạn	1.560.000	15.600.000	1,5	45	520.000	520.000 đ/tín chỉ	

3. HỆ CAO ĐẲNG CHẤT LƯỢNG CAO (HỆ C3):

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Học phí 1 tháng	Học phí NH 2022-2023 (10 Tháng)	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng số tín chỉ	Số tiền/ tín chỉ	Đề xuất thu NH 2022-2023	Ghi chú
A	B	(1)	(2)=(1)*10	(3)	(4)	(5)=(2)*(3)/(4)	(6)	(7)
1	Kinh tế, Ngoại ngữ	1.664.000	16.640.000	2,5	100	416.000	416.000 đ/tín chỉ	Tùy theo số tín chỉ SV đăng ký học, mức thu trên một học kỳ có thể thay đổi (Tuy nhiên không thấp hơn số tín chỉ theo quy định của phòng TS-ĐT)
2	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	2.493.000	24.930.000	2,5	100	623.250	623.000 đ/tín chỉ	
3	Du lịch, nhà hàng, khách sạn	2.080.000	20.800.000	2,5	100	520.000	520.000 đ/tín chỉ	

4. HỆ CAO ĐẲNG LIÊN KẾT QUỐC TẾ VỚI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CITY OF GLASGOW (HỆ C7):

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Học phí 1 tháng	Học phí NH 2022-2023 (10 Tháng)	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng số tín chỉ	Số tiền/ tín chỉ	Đề xuất thu NH 2022-2023	Ghi chú
A	B	(1)	(2)=(1)*10	(3)	(4)	(5)=(2)*(3)/(4)	(6)	(7)
1	Kinh tế, Ngoại ngữ	2.080.000	20.800.000	2,5	100	520.000	520.000 đ/tín chỉ	Tùy theo số tín chỉ SV đăng ký học, mức thu trên một học kỳ có thể thay đổi (Tuy nhiên không thấp hơn số tín chỉ theo quy định của phòng TS-ĐT)
2	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	2.597.000	25.970.000	2,5	100	649.250	650.000 đ/tín chỉ	
3	Du lịch, nhà hàng, khách sạn	2.184.000	21.840.000	2,5	100	546.000	550.000 đ/tín chỉ	

 HỮU TRƯỞNG
 PHẠM HỮU LỘC

Ngày 30 tháng 03 năm 2022
 PHÒNG KẾ HOẠCH- TÀI CHÍNH


 Nguyễn Kính

